TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2020

"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Phạm Kiều L sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 31, thôn TT, xã QT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 21, ấp XB 2, xã XB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 31, thôn TT, xã QT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay:Tổ 31, thôn TT, xã QT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

(Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Cao Phạm Kiều L trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị Cao Phạm Kiều L và anh Nguyễn T đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 03 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân (UBND)xã QT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thởi gian thì phát sinh mâu thuẫn, cho đến năm 2018 thì phát sinh mẫu thuẫn ngày càng nhiều và gây gắt. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, chỉ thích ham chơi, thường xuyên rượu chè, cờ bạc gây nợ nần để chủ nợ đòi nợ, chị L khuyên ngăn thì bị đánh đập, anh T không quan tâm đến vợ con, đến cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, coi thường gia đình vợ, ngoài ra còn cập bồ, làm cho gia đình mất hạnh phúc. Từ đó chị L thấy chồng không quan tâm đến chị L và gia đình, vì thấy mâu thuẫn trầm trọng nên chị L đã bỏ về gia đình cha mẹ ruột sinh sống cùng hai con. Cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau và cũng không gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc của gia đình. Trong thời gian sống ly thân anh T cũng không thăm nom và phụ cấp nuôi con để một mình chi L chăm lo. Từ ngày vợ chồng mâu thuẫn ly thân cho đến nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân huyện Châu Đức giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Phạm Kiều L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Cao Minh Th, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003; Nguyễn Cao Mỹ Ng, sinh ngày: 28/5/2012. Sau khi ly thân thì các cháu do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị L yêu cầu tiếp tục nuôi các cháu không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Cao Minh Th, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003; Nguyễn Cao Mỹ Ng, sinh ngày: 28/5/2012. Giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung .

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L và anh T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay chị L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Tuân là Tổ 31, thôn TT, xã QT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 3 năm 2004 tại UBND xã QT, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, phát sinh mẫu thuẫn phát sinh từ năm 2018 và kéo dài, cuộc sống vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi cờ bạc, ngoại tình, không lo chăm sóc gia đình, khi chị L khuyên nhủ thì đánh đập chi L, từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống hôn nhân tẻ nhạt, nặng nề, căng thẳng không hạnh phúc. Từ đó chị L thấy buồn chán, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không đạt được, nên bỏ về bên nhà gia đình cha mẹ ruột để sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân mạnh ai nấy nấy sống, không còn quan tâm đến việc đoàn tụ để tạo dựng hạnh phúc để về với nhau, và từ đó vợ chồng cũng không gặp nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Cho đến nay chị L xét thấy cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị L, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân, nhưng anh T vẫn cố tình không đến

không lý do, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí để đoàn tụ với chị L để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị L và anh T là có thật đã xảy ra từ năm 2018 và ly thân cho đến nay. Ngoài ra từ khi vợ chồng ly thân đến nay đã trải qua một thời thời gian khá lâu nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con là Nguyễn Cao Minh Th, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003; Nguyễn Cao Mỹ Ng, sinh ngày: 28/5/2012. Sau khi ly thân thì các cháu do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị L yêu cầu tiếp tục nuôi các cháu không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua yêu cầu của chị L là có căn cứ bởi lẻ kể từ khi vợ chồng ly thân các cháu đã được chị L chăm sóc và điều phát triển bình thường, để cuộc sống các cháu không bị xáo trộn nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Phạm Kiều L và anh Nguyễn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Loan và anh Tuân có 02 con chung là Nguyễn Cao Minh Th, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003; Nguyễn Cao Mỹ Ng, sinh ngày: 28/5/2012. Giao các cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Phạm Kiều L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0001112 ngày 02 tháng 03 năm 2020; Chị Cao Phạm Kiều L đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01-9-2020) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xin xét xử phúc thẩm, đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã QT, CĐ.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**